

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 442/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 05-5-2021  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Châu Thị Thanh Thà.

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh;  
2. Ông Huỳnh Văn Bé.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Hải Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 532/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 114/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Bảo C, sinh năm 1982;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 491/50 đường Lê Quang Định, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Số 20A đường Trần Thị Trò, Ấp S, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

***2. Bị đơn:*** Ông Đoàn Ngọc B, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 491/50 đường Lê Quang Định, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở: Số 20A đường Trần Thị Trò, Ấp S, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 04/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Bảo C trình bày:

Bà và ông Đoàn Ngọc B tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2005, đã được Ủy ban nhân dân xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp

Giấy chứng nhận kết hôn số 24/T.06, quyển số I.2005 ngày 08/4/2005. Thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc nhưng về sau thì bà và ông B bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống, thường xuyên cãi nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Sau những mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, bà và ông B không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đoàn Ngọc B.

Về con chung: Bà Lê Thị Bảo C xác định không có.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Bảo C xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Lê Thị Bảo C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), chứng minh nhân dân, hộ khẩu (bản sao + bản phô tô), đơn xác định tình trạng cư trú.

Ông Đoàn Ngọc B đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông B.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Lê Thị Bảo C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Đoàn Ngọc B.

*\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:*

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nội dung quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền; việc Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định; thời hạn gửi Thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng quy định; thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn gửi hồ sơ đúng quy định; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thời gian, địa điểm được ghi trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, việc tham gia hỏi tại phiên tòa đúng quy định. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn

cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn ông Đoàn Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bảo C và ông Đoàn Ngọc B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24/T.06, quyền số I.2005 ngày 08/4/2005 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà Lê Thị Bảo C xin ly hôn với ông Đoàn Ngọc B là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà C thì mâu thuẫn giữa bà và ông B là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân do vợ chồng không hiểu nhau, có nhiều khác biệt về cách sống, thường xuyên cãi nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà và ông B sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Đoàn Ngọc B không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án chứng tỏ ông B không có thiện chí để đoàn tụ gia đình.

Ông Đoàn Ngọc B đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà C và ông B không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do ông Đoàn Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa nên ông B có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[3] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cần buộc bà Lê Thị Bảo C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Bảo C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bảo C được ly hôn với ông Đoàn Ngọc B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24/T.06, quyển số I.2005 ngày 08/4/2005 của Ủy ban nhân dân xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang cấp cho bà Lê Thị Bảo C và ông Đoàn Ngọc B không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn xác định không có.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định tự thỏa thuận.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Nếu ông Đoàn Ngọc B có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Lê Thị Bảo C phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0083956 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

### **Nơi nhận:**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã Trường Long A, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Châu Thị Thanh Thà**

